TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC LẶC** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HS-ST
Ngày 20/9/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Viết Giảng
Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Dân
Ông Phùng Văn Cảnh

- Thư ký phiên toà: Bà Ninh Thị Hải, Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc tham gia phiên toà:
Ông Lê Hồng Ngoạn - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2019/TLST-HS ngày 29/8/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 25/2019/QĐXXST-HS ngày 05/9/2019, đối với bị cáo:

Trịnh Xuân N, sinh năm 1992, tại huyện N, tỉnh Thanh Hóa.
Nơi cư trú: Thôn Y, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Mường; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Xuân H và bà Nguyễn Thị H1; vợ Lê Thị Y đã ly hôn và 01 con sinh năm 2013; tiền sự: Ngày 07/11/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng, chấp hành xong quyết định của Tòa án ngày 01/11/2018; tiền án: Ngày 19/01/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 10 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/7/2011, nhưng chưa chấp hành việc bồi thường thiệt hại theo quyết định của bản án. Bị tạm giữ từ ngày 23/6/2019, bị tạm giam từ ngày 29/6/2019, hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam của Công an tỉnh Thanh Hóa *(Có mặt).*

Người làm chứng:
- Anh Quách Văn T, sinh năm 1984 *(Có mặt)*
- Anh Quách Văn T1, sinh năm 1992 *(Có mặt)*

Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào hồi 23 giờ, ngày 23/6/2019,

tại thôn Y, xã T, huyện N, tổ công tác, Công an huyện Ngọc Lặc, phát hiện, bắt quả tang Trịnh Xuân N có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ 03 *(Ba)* tép Heroine gói trong tờ tiền mệnh giá 5000 đồng, để trong ví da màu đen, cất giữ trong túi quần sau bên phải N đang mặc.

Quá trình điều tra, Trịnh Xuân N khai nhận: Khoảng 20 giờ, ngày 23/6/2019, N đến mượn xe của một người bạn của N tên thường gọi là B *(Tên thật là Cao Văn T2)*, ở thôn P, xã Q, huyện N để đi đến nhà Bùi Văn T3 *(Tên thường gọi: L)* ở thôn Z, xã L, huyện N mua của T3 03 tép Heroine với số tiền 300.000 đồng; N gói 03 tép Heroine vào tờ tiền mệnh giá 5000 đồng, bỏ vào trong ví cất giữ với mục đích sử dụng cho cá nhân. Sau khi mua được ma túy, N trở lại trả xe, rồi nhờ T2 đưa về, khi về đến gần nhà N, N bảo T2 về còn N tự đi bộ về nhà. N vừa về đến nhà thì bị tổ công tác, Công an huyện Ngọc Lặc bắt quả tang, thu giữ, niêm phong số ma túy N cất giữ trong người ký hiệu M, gửi giám định.

Tại bản kết luận giám định số 1597/PC09 ngày 26/6/2019 của phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Chất bột màu trắng của phong bì niêm phong ký hiệu M gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,174g *(Không phẩy một bảy bốn gam)*, loại: Heroine.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã khám xét khẩn cấp chỗ ở của Bùi Văn T3 tại thôn Z, xã L, huyện N nhưng không thu được đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án; Bùi Văn T3 đã đi khỏi địa phương, không xác định được T3 đang ở đâu, nên chưa đủ căn cứ để xử lý Bùi Văn T3, cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh để xử lý bằng vụ án khác.

Đối với Cao Văn T2 *(Tên thường gọi: B)*, theo lời khai của bị cáo N, khi cho N mượn xe mô tô, T2 không biết N sử dụng xe đi mua ma túy và khi chở N về nhà, T2 không biết trong người N có ma túy; hiện nay T2 không có mặt ở địa phương, không xác định được T2 đang ở đâu, cơ quan điều tra không tiến hành xác minh thêm.

Tại bản Cáo trạng số 23/CT-VKSNL ngày 29/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc đã truy tố bị cáo Trịnh Xuân N về "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy", theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trịnh Xuân N phạm "Tội tàng trữ trái phép chất ma túy", áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 47, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 1, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Xử phạt Trịnh Xuân N từ 18 *(Mười tám)* tháng đến 24 *(Hai mươi tư)* tháng tù, được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam. Tịch thu tiêu hủy số vật chứng của vụ án là 0,148g *(không phẩy một bốn tám gam)* Heroine là mẫu vật còn lại sau giám định, 01 ví da màu đen đã qua sử dụng. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống bằng nghề lao động tự do, thu nhập không đáng kể, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Trịnh Xuân N đã thành khẩn nhận tội và không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật, áp dụng mức án thấp của khung hình phạt để bị cáo có điều kiện cải tạo, học tập trở thành người tốt, sớm trở về đoàn tụ với gia đình và hòa nhập đời sống cộng đồng.

Người làm chứng xác nhận lời khai của bị cáo tại phiên tòa đúng với diễn biến sự việc người làm chứng được chứng kiến.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Công an huyện Ngọc Lặc, của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc và của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ thục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về kết luận giám định của phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa; về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật.

[2]. Về căn cứ định tội, định khung hình phạt đối với bị cáo: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và người làm chứng, đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ 20 giờ đến 23 giờ, ngày 23/6/2019, Trịnh Xuân N đã có hành vi mua và tàng trữ trong túi quần sau bên phải N đang mặc 03 *(Ba)* gói giấy nhỏ màu trắng, bên trong chứa chất bột màu trắng, có tổng khối lượng là 0,174g *(Không phẩy một bảy bốn gam)*, là ma túy, loại Heroine, khi bị cáo về đến nhà của bị cáo ở thôn Y, xã T, huyện N thì bị bắt quả tang đang tàng trữ số ma túy nói trên. Hành vi của bị cáo Trịnh Xuân N đã phạm vào *"Tội tàng trữ trái phép chất ma túy"*, chất ma túy bị cáo tàng trữ là Heroine có khối lượng trên 0,1g *(Không phẩy một gam)* và dưới 05g *(Năm gam),* phạm vào điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc truy tố bị cáo Trịnh Xuân N là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất vụ án: Tính chất vụ án là nghiêm trọng. Ma túy và các tệ nạn từ ma túy đã và đang là mối hiểm họa cho xã hội, làm suy đồi đạo đức, lối sống, gây nguy hại cho sự phát triển về thể chất, tinh thần và nhân cách của con người và là nguyên nhân phát sinh một số loại tội phạm. Để hạn chế và từng bước loại bỏ ma túy và các tệ nạn từ ma túy ra khỏi đời sống xã hội, Nhà nước đã có nhiều giải pháp và Bộ luật Hình sự quy định hình phạt nghiêm khắc đối với tội phạm ma túy. Bị cáo là người nghiện chất ma túy, hơn ai hết bị cáo phải nhận thức được sự nguy hại của ma túy, các tệ nạn từ ma túy đối với thể chất, tinh thần, nhân cách con người, đối với trật tự, an toàn xã hội và nhận thức được

hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là phạm tội và bị pháp luật trừng trị nghiêm khắc, nhưng bị cáo vẫn tàng trữ trái phép chất ma túy trên người để thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước về cất giữ chất ma túy, làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội và thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo phải được xử lý nghiêm minh theo quy định của Bộ luật Hình sự.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo: Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo đã bị kết án chưa được xóa án tích lại phạm tội do cố ý, thuộc trường hợp tái phạm, nên bị áp tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà sơ thẩm bị cáo đã thành khẩn nhận tội, nên được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, quy định tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt khi lượng hình, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo, học tập trở thành người tốt. Về nhân thân, bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo đã bị kết án chưa được xóa án tích, là người nghiện chất ma túy, một tệ nạn bị xã hội lên án và bị pháp luật nghiêm cấm, đã bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc nhưng vẫn tái nghiện, điều này thể hiện bị cáo không có khả năng tự cải tạo; để có điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt, đấu tranh với các tội phạm về ma túy đang có diễn biến phức tạp ở địa phương, xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo học tập, cải tạo trở thành người tốt, có ích cho gia đình, xã hội và răn đe phòng ngừa chung. Đối với thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam, được tính vào thời gian chấp hành hình phạt tù của bị cáo.

[5]. Hình phạt bổ sung: Do bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy không nhằm mục đích thu lợi bất chính, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống bằng nghề lao động tự do, thu nhập thấp, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về vật chứng và xử lý vật chứng: Đối với số vật chứng của vụ án đã được cơ quan điều tra xử lý, Hội đồng xét xử không xem xét. Số vật chứng chưa xử lý gồm: 0,148g *(Không phẩy một bốn tám gam)* ma túy, loại Heroine là mẫu vật còn lại sau giám định và 01 *(Một)* ví da màu đen bị cáo sử dụng để tàng trữ ma túy, căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 1, 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy.

[7]. Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Xuân N phạm *"Tội tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trịnh Xuân N 18 *(Mười tám)* tháng tù, hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 23/6/2019.

Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 1, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 0,148 *(Không phẩy một bốn tám gam)* ma túy, loại Heroine là mẫu vật còn lại sau giám định và vỏ bao gói, đựng trong một phong bì do phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký, ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đ, Lê Minh T, Trần Thị Thúy H, Bùi Tố U và các hình dấu của phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa; 01 *(Một)* ví da màu đen đã qua sử dụng, theo Biên bản giao nhận vật chứng, Phiếu nhập kho số NK 2019/019 ngày 29/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Bị cáo Trịnh Xuân N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Trịnh Xuân N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- CA huyện Ngọc Lặc;
- THADS huyện Ngọc Lặc;
- HS vụ án, HS THA hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Lê Viết Giảng